

Số: 06/2025/NQ-HĐND

Bình Định, ngày 25 tháng 6 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định các loại phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh Bình Định ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2021/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2021 và các Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 24/2021/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 117/TTr-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định các loại phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh Bình Định; Báo cáo thẩm tra số 56/BC-KTNS ngày 22 tháng 6 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định các loại phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh Bình Định ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2021/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2021 và các Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 24/2021/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 1. Thống nhất sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2021/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định các loại phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh Bình Định và các Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 24/2021/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh.

1. Sửa đổi, bổ sung điểm 3 khoản 2 và khoản 4 Điều 1 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2021/NQ-HĐND như sau:

“2. Mức thu:

| Nội dung thu phí | Mức thu |
|---|-----------------------------------|
| 3. Sử dụng lòng đường, hè phố làm nơi tập kết tạm thời để trung chuyển hàng hóa, vật liệu xây dựng, sửa chữa công trình; làm nơi tập kết tạm thời để vật tư, thiết bị phục vụ nhu cầu thi công hạ tầng kỹ thuật | |
| a) Phường Quy Nhơn, Phường Quy Nhơn Đông, Phường Quy Nhơn Tây, Phường Quy Nhơn Nam, Phường Quy Nhơn Bắc | 20.000 đồng/m ² /tháng |
| b) Phường Bình Định, Phường An Nhơn, Phường An Nhơn Đông, Phường An Nhơn Nam, Phường An Nhơn Bắc, Phường Bồng Sơn, Phường Hoài Nhơn, Phường Tam Quan, Phường Hoài Nhơn Đông, Phường Hoài Nhơn Tây, Phường Hoài Nhơn Nam, Phường Hoài Nhơn Bắc | 15.000 đồng/m ² /tháng |
| c) Xã Phù Cát, Xã Cát Tiến, Xã Đê Gi, Xã Phù Mỹ, Xã Bình Dương, Xã Tuy Phước, Xã Tây Sơn, Xã Hoài Ân | 13.000 đồng/m ² /tháng |
| d) Xã Vân Canh, Xã Vĩnh Thạnh, Xã An Lão | 10.000 đồng/m ² /tháng |

4. Tỷ lệ % để lại cho cơ quan thu phí

a) Đơn vị thu phí thuộc điểm 3a khoản 2 Điều này: 10%.

b) Đơn vị thu phí thuộc điểm 3b, 3c và 3d khoản 2 Điều này: 30%.”

2. Sửa đổi, bổ sung số thứ tự số 2, số 4, số 6 điểm b khoản 3 Điều 2 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2021/NQ-HĐND như sau:

“b. Mức thu cụ thể tại một số địa điểm tham quan

| TT | Địa điểm thu phí | Mức thu phí cụ thể* (Đồng/lần/người) | Cơ quan thu |
|----|-----------------------------|---|--|
| 2 | Bảo tàng Tổng hợp Bình Định | 10.000 | Bảo tàng tỉnh Bình Định (thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) |
| 4 | Tháp Đôi | 30.000 | Bảo tàng tỉnh Bình Định (thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) |
| 6 | Tháp Bánh Ít | 20.000 | |

3. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 4 Điều 5 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2021/NQ-HĐND được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 23/2024/NQ-HĐND như sau:

“b) Ủy ban nhân dân các xã, phường.”.

4. Sửa đổi, bổ sung gạch đầu dòng thứ 2 khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 6 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2021/NQ-HĐND như sau:

“2. Mức thu



- Trường hợp thẩm định cấp lại: áp dụng mức thu bằng 30% mức thu theo quy định nêu trên. Riêng trường hợp thẩm định hồ sơ cấp lại, trả lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất áp dụng mức thu phí 0 đồng.

3. Cơ quan thu:

a) Sở Nông nghiệp và Môi trường.”.

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 Điều 14 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2021/NQ-HĐND như sau:

“2. Mức thu: 0 đồng.

3. Cơ quan thu: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.”.

6. Sửa đổi, bổ sung gạch đầu dòng thứ 3 điểm a khoản 2 và điểm c, khoản 3, Điều 14a được bổ sung tại khoản 2, Điều 1 Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND như sau:

“- Đối với dự án đầu tư, cơ sở thuộc thẩm quyền cấp phép môi trường của Ủy ban nhân dân xã, phường: 5.000.000 đồng/giấy phép.”.

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 17 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2021/NQ-HĐND như sau:

“3. Mức thu

| TT | Nội dung | Mức thu |
|----|---|-----------|
| 1 | Đăng ký khai sinh | 8.000 |
| 2 | Đăng ký khai tử | 5.000 |
| 3 | Đăng ký kết hôn | 30.000 |
| 4 | Đăng ký nhận cha, mẹ, con | 15.000 |
| 5 | Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người chưa đủ 14 tuổi; bổ sung hộ tịch | 15.000 |
| 6 | Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân | 15.000 |
| 7 | Ghi vào Sổ hộ tịch việc thay đổi hộ tịch của cá nhân theo bản án quyết định của cơ quan nhà nước thẩm quyền | 8.000 |
| 8 | Xác nhận hoặc ghi vào sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác hoặc đăng ký hộ tịch khác | 8.000 |
| 9 | Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài | 50.000 |
| 10 | Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài | 50.000 |
| 11 | Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài | 1.500.000 |
| 12 | Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài | 70.000 |
| 13 | Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài | 1.500.000 |
| 14 | Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người từ đủ 14 tuổi trở lên; bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc | 25.000 |

V nhận

| TT | Nội dung | Mức thu |
|----|---|---------|
| 15 | Ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài | 70.000 |
| 16 | Xác nhận hoặc ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác hoặc đăng ký hộ tịch khác có yếu tố nước ngoài | 70.000 |

8. Sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 18 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2021/NQ-HĐND như sau:

“3. Cơ quan thu lệ phí:

a) Sở Nội vụ.”.

9. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 4 Điều 19 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2021/NQ-HĐND ngày 11/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 23/2024/NQ-HĐND như sau:

“b) Ủy ban nhân dân các xã, phường.”.

10. Sửa đổi điểm c khoản 5 Điều 20 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2021/NQ-HĐND như sau:

“c) Ủy ban nhân dân các xã, phường.”.

11. Sửa đổi điểm b khoản 4 Điều 21 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2021/NQ-HĐND như sau:

“b) Ủy ban nhân dân các xã, phường.”.

Điều 2. Bãi bỏ cụm từ, điểm của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2021/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định các loại phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh Bình Định.

1. Bỏ cụm từ “thị trấn” tại điểm c khoản 3 Điều 1, điểm b khoản 2 Điều 2, điểm a khoản 2 Điều 3, điểm b khoản 4 Điều 7, điểm b khoản 2 Điều 11, điểm a khoản 4 Điều 17.

2. Bãi bỏ điểm a, b khoản 3 Điều 1.

3. Bãi bỏ điểm b khoản 3 Điều 6.

4. Bãi bỏ điểm b khoản 4 Điều 17.

5. Bãi bỏ điểm a khoản 4 Điều 21.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 4. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 25 tháng 6 năm 2025.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định Khóa XIII Kỳ họp thứ 25 thông qua ngày 25 tháng 6 năm 2025.!

Handwritten signature

Nơi nhận:

- UBND tỉnh; Chính phủ (b/cáo);
- VPQH; VPCP; Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB&QLXLVPHC);
- TT Tỉnh ủy (b/cáo); TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh; Đoàn ĐBQH tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội;
- Sở Tư pháp; các sở, ban, ngành;
- VP: Tỉnh ủy; ĐDBQH&HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Lưu: VT; hồ sơ kỳ họp.

Handwritten signature



CHỦ TỊCH

Hồ Quốc Dũng